TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2024/DS-PT
Ngày: 24 - 6 - 2024
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Miễu B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1976 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Hạnh P, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Sở TNMT, địa chỉ: Số M, đường H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Sở TMMT: Ông Nguyễn Văn Đ - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh; địa chỉ: Số M, đường H, Phường B, thành phố S, tỉnh

Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2024). (có mặt).

3. Trường Tiểu học L, địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Hạnh P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 16/8/2023 của nguyên đơn Miễu B và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày:

Miễu B có và tồn tại cách đây rất lâu, hàng trăm năm tuổi, trước năm 1975 nơi đây được Đảng và Nhà nước làm nghĩa địa để chôn cất hài cốt liệt sĩ phía trước, phía sau là Miễu B. Đến khi nghĩa trang liệt sĩ huyện Thạnh Trị được xây cất thì chính quyền mới lấy hài cốt liệt sĩ đem về nghĩa trang huyện chôn cất trả lại phần đất cho Miễu B với tổng diện tích 7.880m^2. Năm 2002, chính quyền vận động bà con trong Ban hội miễu để xây cất trường học cho con em đi học và năm 2004 Trường Tiểu học L được xây dựng và năm 2009 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 6.299,4m^2, tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 13, tọa lạc Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Còn lại diện tích 1.580,6m^2 là đất Miễu B sử dụng đến nay và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, địa chính đo đạc lại phần diện tích đất của trường là 6.203m^2, còn lại của Miễu B là 1.677m^2.

Ngày 25/01/2022, vợ chồng ông C, bà P lấn chiếm đất có diện tích 387m^2 của Miễu B thì tập thể Ban hội Miễu không đồng ý và ngăn cản vợ chồng ông C sử dụng đất, đến nay vợ chồng ông C vẫn cho rằng phần diện tích đất trên là của vợ chồng ông C. Việc này gây cản trở không cho Miễu B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sự việc cũng được UBND xã Vĩnh Lợi hòa giải nhưng không thành. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà P trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm 387m^2, tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 13, tọa lạc Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho Miễu B.

- Tại tờ tường trình ngày 02/10/2023 và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha ông tên Lê Văn O (chết năm 2018) tự khai phá năm 1976. Trước đây đất này chỉ là đất bãi bồi, sau khi tiếp thu thì cha ông có công khai phá bồi đắp và trồng lá trên phần đất này, đến khoảng năm 1997 thì lúc này cha ông đã lớn tuổi mới để lại phần đất này cho ông tiếp tục sử dụng, đến năm 1998 khi xáng múc kinh để nạo vét kinh thuỷ lợi thì xáng múc có bỏ lên phần đất này là của ông. Sau đó ông bang đất cho bằng phẳng để trồng cây lâu năm tiếp tục sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Miễu B không có sử dụng phần đất này.

Năm 2021, ông chặt cây để bán và thuê xáng cuốc ra cho bằng phẳng để cất quán lá cho con ông bán quán cho học sinh trong lúc ông làm nền cất quán thì không ai có ý kiến ngăn cản gì, kể cả người đại diện của Miễu B. Tuy nhiên, sau khi làm nền cất quán xong thì lúc này phát sinh tranh chấp, chính quyền địa phương động viên vợ chồng ông tháo dỡ quán giữ nguyên hiện trạng ban đầu.

Nay ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu tạm giao cho ông được sử dụng đất tranh chấp, khi nào Nhà nước thu hồi thì ông trả lại đất tranh chấp.

- Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Hạnh P thống nhất lời trình bày của chồng bà là ông Lê Văn C, không trình bày bổ sung.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Miếu Bà Chúa Xứ Ấp T. Buộc bị đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Hạnh P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Miễu B phần diện tích đất theo đo đạc thực tế của Tòa án là 363,7m^2, tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 13, tọa lạc Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất có số đo tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 409, có số đo 26,53m. Hướng Tây giáp kênh 12 có số đo 13,63m + 12,12m + 12,78m. Hướng Nam là một điểm giáp kênh 12. Hướng Bắc giáp kênh Tân Biên, có số đo 5,37m + 8,72m + 11,64m.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2024, bị đơn ông C, bà P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị và được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị nhận ngày 20/3/2024. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà S không rút đơn khởi kiện và cho rằng trước đây bà có đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Trường Tiểu học L diện tích 1.626,8m^2, thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 13; nay bà xin rút lại đối với yêu cầu này, vì bà không có tranh chấp với trường, bà sẽ tự thỏa thuận với trường để làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu sau này có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật; nay bà đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Các bị đơn không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng đất tranh chấp là của cha ông C chết để lại cho ông C, ông C được một số người làm chứng xác định, không phải đất của Miễu B; nên các bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo và sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và đề nghị áp dụng khoản

1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan người đại diện hợp pháp của Trường Tiểu học L vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của các bị đơn ông C, bà P là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Đến giai đoạn phúc thẩm, bà S có đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ do Sở TNMT cấp ngày 26/10/2009 cho Trường Tiểu học L, đối với phần đất có diện tích 1.626,8m^2, thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 13, nên Tòa án đã đưa Sở TNMT và Trường Tiểu học L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Tại Công văn số 07/CV-UBND ngày 09/01/2024 (BL số 109) UBND xã Vĩnh Lợi xác định: Theo Sổ mục kê thì thửa đất số 409, tờ bản đồ số 13, diện tích 7.800m^2, do ấp T quản lý, nhưng từ trước đến nay thực tế ấp và UBND xã không theo dõi và quản lý, sử dụng phần diện tích đất này, diện tích đất này do Miễu B quản lý và sử dụng từ trước đến nay. Vào ngày 26/10/2009, Sở TNMT tỉnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Tiểu học L diện tích 6.299,4m^2. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/6/2024 xác định về hình thể thửa đất cấp giấy chứng nhận cho trường đã vẽ bao trùm luôn phần đất của Miễu B đang quản lý, sử dụng từ xưa tới nay (trong đó, có phần đất tranh chấp). Theo người đại diện hợp pháp của Trường Tiểu học L cho rằng giữa Trường và bà S không có xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp. Tại phiên tòa, bà S đồng ý rút lại yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở TNMT tỉnh cấp ngày 26/10/2009 cho Trường Tiểu học L, đối với phần đất có diện tích 1.626,8m^2, thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 13 và cho rằng sẽ tự thỏa thuận với trường để làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu sau này có trnah chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật, nên HĐXX không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, cần kiến nghị Sở TNMT tỉnh điều chỉnh hình thể thửa đất do Sở TNMT tỉnh cấp cho Trường Tiểu học L cho đúng với hiện trạng sử dụng đất của trường khi có yêu cầu.

[5] Xét kháng cáo của ông C và bà P về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy:

[5.1] Theo người làm chứng ông Nguyễn Văn Q (BL số 76), ông Phan Văn H (BL số 85) xác định: Ông Q làm Trưởng ban nhân dân ấp T từ năm 2008 đến nay, còn ông H có bà con với bà S và ông C. Phần đất tranh chấp trước đây là đất bãi bồi

ven sông do ông Lê Văn O là cha ông C trồng lá là phần đất cù lao giữa sông, sau này xáng múc nên phần đất còn lại khoảng 300m2 nằm cặp đất Miễu B. Theo ông Lê Thanh Ê (BL số 82), ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị M (BL số 84) xác định: Ông Ê có bà con xa với bà S và ông C, còn ông G và bà M bà con cô cậu với ha ông C. Giáp đất Miễu B có phần đất cù lao trước đây ông O có sử dụng trồng lá, sau đó thì xáng múc cù lao đi; các ông, bà không xác định được đất tranh chấp là của Miễu B hay của ông C.

[5.2] Theo người làm chứng ông Lê Văn Y (BL số 72), ông Lê Văn Ô (BL số 73), bà Nguyễn Thị Ư (BL số 74), ông Nguyễn Văn Ơ (BL số 77), ông Đặng Văn U (BL số 78), bà Lê Thị A (BL số 79), ông Nguyễn Văn B (BL số 80), ông Hồ Hoàng K (BL số 81) xác định: Ông Y, bà Ư, ông U, bà A, ông B sinh sống tại địa phương từ nhỏ tới giờ, còn ông Ô làm Trưởng ban nhân dân ấp T từ năm 1987 - 1992, ông Ơ thì làm Bí thư Chi bộ Ấp T, ấp 11, ấp 12 và hiện nay là cựu chiến binh ấp 12, ông K làm Trưởng ban nhân dân ấp T từ năm 1997 - 1999; nên các ông, bà biết trước đây cha ông C có sử dụng phần đất cù lao ở giữa sông để trồng lá, nhưng sau này xáng múc bỏ cù lao không còn, gia đình ông C không còn đất ở đó, phần đất đang tranh chấp do Miễu B quản lý từ xưa tới nay.

[5.3] Theo ông Nguyễn Văn X (BL số 75) xác định: Trước đây ông có làm trong Hội Miễu B cùng với 5 - 6 người, những người kia đều đã chết nên ông nghỉ làm và giao lại cho bà S. Về nguồn gốc đất tranh chấp là của Miễu B từ xưa tới nay, từ xưa tới nay gia đình ông C không có ai sử dụng phần đất đang tranh chấp.

[5.4] Qua lời khai của những người làm chứng phía ông C cung cấp thì chỉ có ông Q và ông H xác định phần đất tranh chấp là của gia đình ông C, còn ông G và bà M thì không xác định được. Trong khi đó, những người làm chứng bên phía nguyên đơn gồm ông Y, ông Ô, bà Ư, ông Ơ, ông U, bà A, ông B, ông K và ông X là những người công tác ở ấp và sinh sống lâu đời tại địa phương đều xác định phần đất cù lao do cha ông C trồng lá trước đây do xáng múc hết đất không còn và phần đất đang tranh chấp là đất của Miễu B, không phải của gia đình ông C. Tại giai đoạn phúc thẩm, ông C và bà P không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[5.5] Từ những nhận định như đã nêu trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5, 7 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013, nên toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông C, bà P là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Tất cả cây trồng trên đất, ông C, bà P không chứng minh được có trồng và quản lý, sử dụng, nên giao cho nguyên đơn được sở hữu và sử dụng toàn bộ cây trồng trên đất tranh chấp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông C, bà P mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 990.000 đồng. Do yêu cầu kháng cáo của ông C, bà P không được chấp nhận, nên phải chịu số tiền này và đã nộp xong theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông C, bà P và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Hạnh P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Miễu B. Buộc bị đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Hạnh P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Miễu B phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 363,7m^2, thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 13, tọa lạc Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất có số đo tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 409, có số đo 26,53m. Hướng Tây giáp kênh 12, có số đo 13,63m + 12,12m + 12,78m. Hướng Nam là một điểm giáp kênh 12, có số đo 0m. Hướng Bắc giáp kênh Tân Biên, có số đo 5,37m + 8,72m + 11,64m (Đính kèm Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 06/12/2023).

Nguyên đơn được quyền sở hữu và sử dụng tất cả cây trồng trên phần đất tranh chấp.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Hạnh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí số tiền 5.012.377 đồng (Năm triệu không trăm mười hai nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng), ông Lê Văn C và bà Nguyễn Hạnh P phải chịu số tiền này, do nguyên đơn nộp tạm ứng trước, nên ông Lê Văn C và bà Nguyễn Hạnh P có nghĩa vụ nộp tiền 5.012.377 đồng (Năm triệu không trăm mười hai nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn Miễu B số tiền 487.623 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) theo thông báo của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị.

3. Kiến nghị Sở TNMT điều chỉnh hình thể thửa đất do Sở TNMT tỉnh cấp cho Trường Tiểu học L cho đúng với hiện trạng sử dụng đất của Trường Tiểu học L khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Cưng và bà Nguyễn Hạnh P mỗi người phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003821 và 0003822, cùng ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Thạnh Trị; như vậy, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Hạnh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 990.000 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn đồng), ông Lê Văn C và bà Nguyễn Hạnh P phải chịu số tiền này và đã nộp xong.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn